TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 484/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thùy D, sinh năm 1992 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Chí N, sinh năm 1990 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ thường trú: Ấp MT, xã MB, huyện NN, tỉnh Sóc Trăng.

Cùng địa chỉ tạm trú: Tổ 9, khu phố 3A, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Bùi Thùy D trình bày:

Bà Bùi Thùy D và ông Phạm Chí N tự nguyện chung sống từ năm 2009, và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MB, huyện NN, tỉnh Sóc Trăng vào ngày

18/6/2015. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Ông N thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình.

Vì tình cảm với ông N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà D không thể tiếp tục chung sống với ông N được nữa, nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà có yêu cầu được nuôi 02 cháu: Phạm Chí T, sinh ngày 18/01/2011 và Phạm Đạt E, sinh ngày 26/02/2015. Bà D không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Phạm Chí N trình bày:

Ông thống nhất về quá trình chung sống, thời điểm đăng ký kết hôn, con chung và các mâu thuẫn của vợ chồng như bà D trình bày. Tuy nhiên, ông cho rằng mâu thuẫn trên là bình thường, chưa trầm trọng đến mức phải ly hôn, nên ông không đồng ý ly hôn.

Về vấn đề con chung, ông bà có 02 con chung là: Phạm Chí T, sinh ngày 18/01/2011 và Phạm Đạt E, sinh ngày 26/02/2015. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D cho ly hôn, thì ông đồng ý giao 02 con chung cho bà D nuôi dưỡng. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với các con thì ông vẫn sẽ thăm nom, chăm sóc các con thường xuyên. Nếu có khoản nào có thể hỗ trợ được thì ông sẽ hỗ trợ sau.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đúng các quyền và Nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. .

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn được quyền ly hôn với bị đơn. Về con chung, đề nghị giao 02 con chung cho bà D nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà D tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Các đương sự có tranh chấp về ly hôn và nuôi con. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại khu phố 3A, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, nênghĩa vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự (theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Bùi Thùy D và ông Phạm Chí N tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã MB, huyện NN, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 18/6/2015, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Nguyên đơn bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông N do bà D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được. Xét thấy, bị đơn trong quá trình tố tụng cũng thừa nhận có hành vi thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên. Lỗi dẫn đến việc gia đình không hạnh phúc xuất phát từ phía ông N. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn có nguyện vọng khi ly hôn được nuôi cháu Phạm Chí Thái, sinh ngày 18/01/2011 và Phạm Đạt Em, sinh ngày 26/02/2015. Các cháu Đạt, Em cũng có nguyện vọng được ở với bà D. Bị đơn ông N cũng không tranh chấp quyền nuôi con và cũng đồng ý việc bà D được nuôi các con chung. Do vậy, HĐXX xét cần giao cháu Thái và cháu Em cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

[4] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thùy D đối với bị đơn ông Phạm Chí N về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Bùi Thùy D được ly hôn với bị đơn ông Phạm Chí N.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Chí T, sinh ngày 18/01/2011 và cháu Phạm Đạt E, sinh ngày 26/02/2015 cho bà Bùi Thùy D chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Phạm Chí N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà D và ông N đều có quyền và Nghĩa vụ đối với con chung. Ông N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thùy D phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005177 ngày 09/5/2022 tại Chi cục THADS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã Mỹ Bình, huyện Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Phước Thành